



qiān yán wàn yǔ

千言万语

idiom (noun phrase) · thousands of words; a lot to say

Example Sentences

Qiān yán wàn yǔ yě shuō bù jìn wǒ de gǎn jī
千言万语也说不尽我的感激。

Thousands of words cannot express my
gratitude.

Lí bié shí qiān yán wàn yǔ dōu huà zuò le chén mò
离别时，千言万语都化作了沉默。

At parting, thousands of words turned into
silence.

Trace each character, then write the word on your own.

千	千	千	千	千	千					
言	言	言	言	言	言	言	言	言	言	
万	万	万	万	万	万					
语	语	语	语	语	语	语	语	语	语	语
语										